TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST Ngày 14 - 02 - 2022. V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lưu Trung Chiến.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hảo

Ông Huỳnh Bình

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đinh Thanh Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 279/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022, về việc *"Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Hồng T, sinh năm 1989; Trú tại: số 2, tổ 1, ấp 5, xã V, huyện V1, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hồ T1, sinh năm 1985; Trú tại: số 2, tổ 1, ấp 5, xã V, huyện V1, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện, quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Bùi Hồng T trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Hồ T1 tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND xã V, huyện V1, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 65 ngày 26/9/2008.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu

thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không còn tôn trọng lẫn nhau và xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Đến tháng 12/2010 anh T1 đã bỏ nhà ra đi từ đó đến nay không có tin tức gì, hiện tại chị cũng không biết anh T1 ở đâu mặc dù chị đã tìm kiếm cả quê nội, ngoại nhưng không ai có tin tức gì của anh T1. Vì vậy chị đã làm đơn tuyên bố một người mất tích đối với anh T1. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị xin được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Kiều A, sinh ngày 08/3/2009, hiện tại cháu A đang sống với chị, do chị trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu A không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Bị đơn anh Nguyễn Hồ T1 không có lời khai tại tòa:***

* ***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu ý kiến***:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị Bùi Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Hồ T1.

Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Ngọc Kiều A, sinh ngày 08/3/2009 cho chị T nuôi dưỡng, tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa giải quyết và nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng dân sự*:**

1.1. Căn cứ Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

1.2. Anh Nguyễn Hồ T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Chị T có đơn xin vắng mặt khi xét xử. Căn cứ khoản 1, điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh T1.

[2] ***Về nội dung vụ án*:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Hồng T và anh Nguyễn Hồ T1 là hợp pháp vì hai bên tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định, nên được pháp luật bảo vệ.

2.2. Yêu cầu của chị T xin được ly hôn với anh T1. Vì chị T cho rằng cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh T1 không có trách nhiệm với vợ con, dẫn đến gia đình mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Sau đó anh T1 đã bỏ nhà đi biệt tích, mặc dù chị đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có kết quả, chị đã làm đơn yêu cầu tuyên bố một người mất tích tại Tòa án nhưng cũng không có tin tức gì về anh T1. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh, chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Hồ T1 Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng anh T1 đều vắng mặt không có lý do, được coi như anh T1 tự tước bỏ quyền trình bày tại tòa.

2.3. Về con chung: Chị T xin được nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kiều A, sinh ngày 08/3/2009 vì hiện tại cháu đang được chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nên giao cho chị T được quyền nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.4. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.5. Nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. ***Về án phí sơ thẩm***: Buộc chị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147; khoản 1, điểm b, khoản 2, Điều 227; 269; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. ***Về quan hệ hôn nhân***: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Cho chị Bùi Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Hồ T1.

2. ***Về con chung:***

- Giao cháu Nguyễn Ngọc Kiều A, sinh ngày 08/3/2009 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

- Tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Nguyễn Hồ T1 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T1 thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. ***Về tài sản chung:*** Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Hồng T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0003774 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Chị Bùi Hồng T và anh Nguyễn Hồ T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Vĩnh Tân;
- Chi cục THADS H Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ, Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Trung Chiến